

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Công dân Việt Nam là học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh và người học ra nước ngoài học tập theo các khóa đào tạo, bồi dưỡng từ 03 tháng liên tục trở lên (sau đây gọi chung là du học sinh);

b) Công dân Việt Nam là giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật;

c) Tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học;

d) Cơ quan, tổ chức cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật;

đ) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan ở trong nước và nước ngoài chịu trách nhiệm quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

2. Nghị định này không áp dụng đối với công dân Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện theo quy định của Nghị định này và phù hợp với yêu cầu của lực lượng quân đội, công an.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Du học sinh học bổng ngân sách nhà nước là công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập được nhận toàn phần hoặc một phần chi phí đào tạo, chi phí đi lại, sinh hoạt phí và các chi phí khác liên quan đến học tập từ một hoặc nhiều nguồn trong các nguồn kinh phí sau đây:

a) Học bổng ngân sách nhà nước cấp trong khuôn khổ hiệp định, thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài;

b) Học bổng ngân sách nhà nước cấp thông qua các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Học bổng do Chính phủ nước ngoài, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), chính quyền các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ hoặc cá nhân tài trợ thông qua Chính phủ Việt Nam (sau đây gọi chung là học bổng do phía nước ngoài đài thọ).

2. Du học sinh học bổng khác là công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập được nhận toàn phần hoặc một phần chi phí đào tạo, chi phí đi lại, sinh hoạt phí và các chi phí khác liên quan đến học tập do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ không phải từ nguồn kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Du học sinh tự túc là công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập không phải từ nguồn kinh phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Thực tập sinh là công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập và thực tập tại môi trường làm việc phù hợp với ngành, nghề đang được đào tạo tại Việt Nam để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

5. Trao đổi học thuật là các hoạt động trao đổi, thảo luận trực tiếp hoặc thông qua hội nghị, hội thảo về chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm nhằm bổ sung, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của người tham gia.

6. Cơ quan quản lý trực tiếp là cơ quan tuyển dụng, quản lý, đề cử, giới thiệu công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao

đổi học thuật và tiếp nhận về làm việc sau khi tốt nghiệp, kết thúc chương trình học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật.

7. Cơ quan cử đi học là cơ quan có thẩm quyền thực hiện tuyển sinh, ra quyết định cuối cùng về việc cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập và quyết định việc cấp học bổng (nếu có).

Điều 4. Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật (sau đây gọi chung là Hệ thống cơ sở dữ liệu) do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật có trách nhiệm thực hiện cung cấp thông tin cần thiết vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau khi đến nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật, công dân Việt Nam có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II

CÔNG DÂN VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP

Mục 1

DU HỌC SINH HỌC BỔNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 5. Tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập

1. Tiêu chuẩn đối với công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập

- a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- b) Không trong thời gian bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c) Có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng quy định của chương trình học bổng và đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của chương trình học bổng;
- d) Được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý cử đi học (đối với trường hợp có cơ quan công tác);
- đ) Đáp ứng các quy định hiện hành về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các quy định của Đảng (đối với trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức và là đảng viên).

2. Hồ sơ dự tuyển gồm:

- a) Công văn của cơ quan quản lý trực tiếp cử dự tuyển (đối với trường hợp có cơ quan công tác);
- b) Cam kết thực hiện trách nhiệm của người được cử đi dự tuyển theo yêu cầu của cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác);
- c) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với trường hợp không có cơ quan công tác);
- d) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng quy định của chương trình học bổng;
- đ) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xác nhận đủ điều kiện đi học nước ngoài;
- e) Các giấy tờ khác (nếu có) theo yêu cầu của chương trình học bổng và cơ quan cử đi học.

3. Trình tự thực hiện:

- a) Ứng viên dự tuyển nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua đường bưu điện hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến cho cơ quan cử đi học;

b) Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ dự tuyển, cơ quan cử đi học tổ chức thực hiện tuyển sinh và thông báo kết quả tuyển chọn cho ứng viên, cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác) qua việc thông báo rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của cơ quan thực hiện tuyển sinh.

4. Trách nhiệm thực hiện tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập thuộc cấp học, trình độ đào tạo trong giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm và bồi dưỡng về ngoại ngữ bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập thuộc các trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp (trừ cao đẳng sư phạm) bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

c) Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được quyền giao nhiệm vụ hoặc phân cấp cho các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quyền giao nhiệm vụ hoặc phân cấp cho các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

đ) Trách nhiệm tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập bằng nguồn kinh phí quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này thực hiện theo quy định hợp tác giữa các cơ quan nhà nước của Việt Nam với phía nước ngoài đài thọ học bổng.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của du học sinh học bổng ngân sách nhà nước

1. Quyền của du học sinh học bổng ngân sách nhà nước

a) Được về nước thực tập, thu thập tài liệu để phục vụ chương trình học tập; được hưởng các kỳ nghỉ trong thời gian học tập theo quy định của cơ sở giáo dục nước ngoài; được về nước, đi thăm thân nhân ở nước khác (nước thứ ba) nếu được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại đồng ý;

b) Được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài bảo hộ về lãnh sự, bảo vệ quyền lợi chính đáng trong thời gian học tập ở nước ngoài theo quy định;

c) Được hưởng toàn phần hoặc một phần chi phí đào tạo, chi phí đi lại, sinh hoạt phí và các chi phí khác liên quan đến học tập ở nước ngoài bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với du học sinh quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này hoặc do phía nước ngoài đài thọ đối với du học sinh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

2. Trách nhiệm của du học sinh học bổng ngân sách nhà nước

a) Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật Việt Nam, pháp luật và phong tục tập quán của nước sở tại; trong trường hợp vi phạm, tùy tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật của các bên có liên quan;

b) Nghiêm chỉnh chấp hành thực hiện nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục nước ngoài và cam kết, quy định của cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác), cơ quan cử đi học; giữ gìn và phát triển quan hệ hữu nghị với các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư nước sở tại;

c) Thực hiện đăng ký công dân Việt Nam ở nước ngoài theo quy định hiện hành và cập nhật thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 4 Nghị định này;

d) Không được tự ý bỏ học; thực hiện đúng quy định về thời gian học, trình độ đào tạo, ngành học, nước đi học và cơ sở giáo dục theo quyết định cử đi học của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Thông báo cho cơ quan cử đi học trước 10 ngày làm việc trước khi về nước thực tập, thu thập tài liệu, được nghỉ học, nghỉ lễ theo quy định của cơ sở giáo dục nước ngoài đối với du học sinh quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

e) Gửi báo cáo tiến độ học tập (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) và bản sao kết quả học tập có xác nhận của cơ sở đào tạo nước ngoài qua đường bưu điện hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến cho cơ quan cử đi học sau mỗi kỳ học, năm học;

g) Phải bồi hoàn chi phí đào tạo theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định này nếu không hoàn thành nghĩa vụ học tập hoặc không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi tốt nghiệp đối với du học sinh quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

h) Thực hiện các quy định hiện hành về cán bộ, công chức, viên chức và các quy định của Đảng (đối với trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức và là đảng viên);

i) Bảo vệ các tài liệu, thông tin có bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, thông tin bảo vệ chính trị nội bộ;

k) Không lợi dụng việc học tập hay bất kỳ hình thức nào khác để thực hiện các hoạt động tuyên truyền chống phá nhà nước Việt Nam, làm ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và nước đối tác.

Điều 7. Chuyển ngành, nghề học, chuyển trường, chuyển nước đến học

1. Du học sinh quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này muốn chuyển ngành, nghề học, chuyển trường, chuyển nước đến học thì phải được

cơ quan cử đi học ra quyết định cho phép chuyển ngành, nghề học, chuyển trường, chuyển nước đến học.

2. Hồ sơ chuyển ngành, nghề học, chuyển trường, chuyển nước đến học gồm:

a) Đơn đề nghị chuyển ngành, nghề học, chuyển trường, chuyển nước đến học (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao văn bản đồng ý của cơ sở giáo dục nước ngoài cả nơi chuyển đi và chuyển đến về việc du học sinh chuyển ngành, nghề học, chuyển trường, chuyển nước đến học;

c) Ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý trực tiếp du học sinh về việc chuyển ngành, nghề học, chuyển trường, chuyển nước đến học (đối với trường hợp có cơ quan công tác).

3. Trình tự thực hiện:

a) Du học sinh nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua đường bưu điện hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến cho cơ quan cử đi học;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, nếu hồ sơ xin chuyển ngành, nghề học, chuyển trường, chuyển nước đến học không hợp lệ, cơ quan cử đi học thông báo cho du học sinh để bổ sung và hoàn thiện theo quy định;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cử đi học ra quyết định cho phép du học sinh chuyển ngành, nghề học, chuyển trường, chuyển nước đến học. Cơ quan cử đi học gửi quyết định này cho du học sinh và cơ quan quản lý trực tiếp của du học sinh (đối với trường hợp có cơ quan công tác); trường hợp không đồng ý phải có văn bản thông báo cho du học sinh và cơ quan quản lý trực tiếp của du học sinh (đối với trường hợp có cơ quan công tác) nêu rõ lý do.

4. Du học sinh quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này tự ý chuyển ngành, nghề học, chuyển trường, chuyển nước đến học khi chưa được cơ

quan cử đi học cho phép thì không được xem xét cấp học bổng để theo học ngành, nghề học mới hoặc tại trường mới.

5. Du học sinh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này nếu chuyển ngành, nghề học, chuyển trường thì thực hiện thủ tục theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và theo quy định của phía nước ngoài đài thọ học bổng.

Điều 8. Tạm dừng học, lưu ban và học lại

1. Du học sinh quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này muốn tạm dừng học thì phải được cơ quan cử đi học ra quyết định cho phép tạm dừng học và điều chỉnh thời gian học tập. Trong thời gian tạm dừng học, du học sinh không được cấp học bổng. Sau thời gian tạm dừng học, du học sinh được tiếp tục cấp học bổng. Tổng thời gian được cấp học bổng không vượt quá tổng thời gian học tập tại quyết định cử đi học ban đầu.

2. Hồ sơ tạm dừng học gồm:

a) Đơn đề nghị tạm dừng học (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao văn bản đồng ý của cơ sở giáo dục nước ngoài về việc du học sinh tạm dừng học và điều chỉnh thời gian học tập;

c) Ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý trực tiếp du học sinh về việc tạm dừng học (đối với trường hợp có cơ quan công tác).

3. Trình tự thực hiện:

a) Du học sinh xin tạm dừng học phải nộp 01 bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến cho cơ quan cử đi học;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ xin tạm dừng học, nếu hồ sơ không hợp lệ, cơ quan cử đi học thông báo cho du học sinh để bổ sung và hoàn thiện theo quy định;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cử đi học ra quyết định cho phép du học sinh được tạm dừng học và điều chỉnh

thời gian học tập. Cơ quan cử đi học gửi quyết định này cho du học sinh và cơ quan quản lý trực tiếp của du học sinh (đối với trường hợp có cơ quan công tác); trường hợp không đồng ý phải có văn bản thông báo cho du học sinh và cơ quan quản lý trực tiếp của du học sinh (đối với trường hợp có cơ quan công tác) nêu rõ lý do.

4. Du học sinh nếu lưu ban, không hoàn thành chương trình học tập của kỳ học, năm học theo yêu cầu của cơ sở giáo dục nước ngoài mà phải học lại thì trong thời gian lưu ban, thời gian học lại sẽ không được hưởng học bổng. Việc cấp tiếp học bổng ngân sách nhà nước do cơ quan cử đi học quyết định sau khi du học sinh có kết quả các môn phải học lại đạt yêu cầu được tiếp tục cấp học bổng. Tổng thời gian được cấp học bổng không vượt quá tổng thời gian học tập tại quyết định cử đi học ban đầu. Trường hợp du học sinh cần gia hạn thời gian để hoàn thành chương trình học tập thì phải thực hiện thủ tục gia hạn theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

5. Du học sinh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này, nếu tạm dừng học, lưu ban và học lại thì thực hiện thủ tục theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này và theo quy định của phía nước ngoài đài thọ học bổng.

Điều 9. Gia hạn thời gian học tập ở nước ngoài

1. Du học sinh quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này khi hết thời hạn học tập theo quyết định cử đi học ở nước ngoài, nếu chưa hoàn thành chương trình học tập thì phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian học tập tới cơ quan cử đi học để ra quyết định cho phép du học sinh gia hạn thời gian học tập. Trong thời gian gia hạn học tập, du học sinh không được cấp học bổng (ngoại trừ vé máy bay về nước quy định tại khoản 4 Điều này).

2. Hồ sơ gia hạn thời gian học tập gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn thời gian học tập, trong đó nêu rõ lý do, thời gian xin gia hạn, nguồn kinh phí cho việc học tập trong thời gian gia hạn (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao văn bản đồng ý của cơ sở giáo dục nước ngoài về việc du học sinh phải kéo dài thời gian học tập;

c) Ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý trực tiếp du học sinh về việc gia hạn (đối với trường hợp có cơ quan công tác).

3. Trình tự thực hiện:

a) Du học sinh đề nghị gia hạn thời gian học tập ở nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến cho cơ quan cử đi học;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ xin gia hạn, nếu hồ sơ gia hạn không hợp lệ, cơ quan cử đi học thông báo cho du học sinh để bổ sung và hoàn thiện theo quy định;

c) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cử đi học ra quyết định cho phép du học sinh gia hạn thời gian học tập ở nước ngoài. Cơ quan cử đi học gửi quyết định này cho du học sinh và cơ quan quản lý trực tiếp của du học sinh (đối với trường hợp có cơ quan công tác); trường hợp không đồng ý phải có văn bản thông báo cho du học sinh và cơ quan quản lý trực tiếp của du học sinh (đối với trường hợp có cơ quan công tác) nêu rõ lý do.

4. Du học sinh làm thủ tục gia hạn thời gian học tập chậm quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn học tập ghi trong quyết định cử đi học hoặc không làm thủ tục gia hạn với cơ quan cử đi học thì không được cấp vé máy bay về nước.

5. Tổng thời gian du học sinh được phép gia hạn không quá 36 tháng đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ; không quá 24 tháng đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học, cao đẳng; không quá 12 tháng đối với chương trình đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp và đồng thời không vượt quá thời gian học tối đa theo quy định của cơ sở giáo dục nước ngoài.

6. Du học sinh quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này phải kéo dài thời gian học tập do chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh nhưng du học sinh vẫn đảm bảo kết quả học tập, được cơ sở giáo dục nước ngoài xác nhận thì

vẫn được cấp học bổng, thời gian xem xét cấp học bổng tối đa 12 tháng. Căn cứ vào đề nghị của du học sinh, cơ quan cử đi học chịu trách nhiệm phối hợp với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài kiểm tra, xem xét cụ thể đối với từng trường hợp và cấp phát đúng chế độ quy định. Trong trường hợp chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh kéo dài, việc tiếp tục cấp kinh phí sẽ do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

7. Du học sinh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này, nếu gia hạn thời gian học tập ở nước ngoài thì thực hiện thủ tục theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và theo quy định của phía nước ngoài đài thọ học bổng.

Điều 10. Tiếp nhận du học sinh học bổng ngân sách nhà nước về nước

1. Du học sinh về nước gồm:

a) Đã hoàn thành chương trình học tập, đủ điều kiện để được cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp hoặc đã nhận văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp;

b) Đã hoàn thành chương trình học tập nhưng đang chờ bảo vệ hoặc hoàn thiện các thủ tục theo quy định của cơ sở giáo dục nước ngoài để được cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp và tạm thời về nước;

c) Chưa hoàn thành chương trình học tập về nước.

2. Tiếp nhận du học sinh tốt nghiệp về nước

a) Du học sinh đã hoàn thành chương trình học tập, đủ điều kiện để được cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp hoặc đã nhận văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp phải thực hiện báo cáo tốt nghiệp cho cơ quan cử đi học tiếp nhận về nước;

b) Hồ sơ báo cáo tốt nghiệp về nước gồm:

- Báo cáo tốt nghiệp (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp, kết quả học tập được dịch công chứng sang tiếng Việt. Trường hợp chưa được cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp thì nộp bản sao văn bản xác nhận đã hoàn thành chương trình học tập kèm theo

bảng điểm (đối với du học sinh tốt nghiệp trình độ giáo dục nghề nghiệp, đại học, thạc sĩ), xác nhận kết quả nghiên cứu, bảo vệ luận án (đối với du học sinh tốt nghiệp trình độ tiến sĩ, thạc sĩ nghiên cứu) được dịch công chứng ra tiếng Việt;

- Giấy biên nhận đã nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam hoặc Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (đối với du học sinh tốt nghiệp trình độ tiến sĩ).

c) Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày về nước, du học sinh phải nộp 01 bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp cho cơ quan cử đi học;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, nếu hồ sơ tốt nghiệp về nước không hợp lệ, cơ quan cử đi học thông báo cho du học sinh để bổ sung và hoàn thiện theo quy định;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản này, cơ quan cử đi học có văn bản thông báo cho cơ quan quản lý trực tiếp của du học sinh tiếp nhận về công tác (đối với trường hợp có cơ quan công tác) hoặc giới thiệu du học sinh với cơ quan có nhu cầu tuyển dụng về làm việc hoặc xác nhận đã tốt nghiệp (đối với trường hợp không có cơ quan công tác). Cơ quan cử đi học gửi văn bản này cho du học sinh, cơ quan quản lý trực tiếp của du học sinh (đối với trường hợp có cơ quan công tác).

3. Tiếp nhận du học sinh tạm thời về nước trong thời gian chờ bảo vệ hoặc hoàn thiện các thủ tục theo quy định của cơ sở giáo dục nước ngoài để được cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp

a) Du học sinh được phép tạm thời về nước trong thời gian chờ bảo vệ hoặc hoàn thiện các thủ tục theo quy định của cơ sở giáo dục nước ngoài để được cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp và đồng thời phải thực hiện thủ tục gia hạn thời gian học tập theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;

b) Du học sinh quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này phải chịu toàn bộ chi phí đi lại và không được cấp kinh phí trong thời gian về nước

chờ bảo vệ hoặc hoàn thiện các thủ tục theo quy định của cơ sở giáo dục nước ngoài để được cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp;

c) Du học sinh phải nộp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp cho cơ quan cử đi học chậm nhất không quá 36 tháng đối với chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ; không quá 24 tháng đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học, cao đẳng; không quá 12 tháng đối với chương trình đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp tính từ thời điểm hết hạn theo quyết định cử đi học và đồng thời không vượt quá thời gian học tối đa theo quy định của cơ sở giáo dục nước ngoài;

d) Du học sinh phải thực hiện báo cáo tốt nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này sau khi đủ điều kiện được cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp hoặc đã nhận văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp.

4. Du học sinh chưa hoàn thành chương trình học tập về nước, được tiếp nhận về cơ quan công tác (đối với trường hợp có cơ quan công tác) và phải thực hiện bồi hoàn chi phí đào tạo theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định này.

Điều 11. Quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan cử đi học đối với du học sinh học bổng ngân sách nhà nước

1. Quyền của cơ quan quản lý trực tiếp

a) Tổ chức tạo nguồn tuyển sinh và đề cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước;

b) Yêu cầu du học sinh thực hiện theo các quy định tại Nghị định này và theo thỏa thuận giữa cơ quan quản lý trực tiếp với du học sinh trước khi đi học tập tại nước ngoài (nếu có).

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý trực tiếp

a) Lựa chọn người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, đủ sức khỏe, năng lực, trình độ và đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định của chương trình học bổng;

b) Phối hợp với cơ quan cử đi học quản lý du học sinh trong quá trình học tập tại nước ngoài theo các quy định của Nghị định này;

c) Tiếp nhận du học sinh về nước trở lại làm việc tại cơ quan;

d) Yêu cầu du học sinh được cử đi học không hoàn thành nghĩa vụ học tập hoặc không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan sau khi tốt nghiệp phải bồi hoàn chi phí đào tạo theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định này.

3. Quyền của cơ quan cử đi học

a) Tổ chức tuyển chọn, cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước theo các quy định tại Nghị định này;

b) Yêu cầu du học sinh được cử đi học tập tại nước ngoài thực hiện theo các quy định tại Nghị định này và theo hướng dẫn của cơ quan cử đi học (nếu có).

4. Trách nhiệm của cơ quan cử đi học

a) Ra quyết định tuyển chọn, cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, tiếp nhận du học sinh về nước theo các quy định tại Nghị định này;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý trực tiếp quản lý du học sinh, cấp phát kinh phí cho du học sinh (nếu có) trong quá trình học tập tại nước ngoài theo các quy định tại Nghị định này và các quy định hiện hành khác có liên quan;

c) Cung cấp thông tin về chi phí đào tạo đã cấp cho du học sinh trong quá trình học tập tại nước ngoài để cơ quan quản lý trực tiếp thực hiện xét bồi hoàn chi phí đào tạo theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định này đối với trường hợp không hoàn thành nghĩa vụ học tập hoặc không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan sau khi tốt nghiệp;

d) Thu hồi chi phí đào tạo đối với du học sinh không có cơ quan công tác, không hoàn thành nghĩa vụ học tập phải bồi hoàn chi phí đào tạo theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định này.

Điều 12. Bồi hoàn chi phí đào tạo

1. Việc bồi hoàn chi phí đào tạo đối với du học sinh là cán bộ, công chức, viên chức quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này được thực hiện

theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Việc bồi hoàn chi phí đào tạo đối với du học sinh không phải là cán bộ, công chức, viên chức quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này, không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi tốt nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo.

3. Việc bồi hoàn chi phí đào tạo đối với du học sinh có cơ quan công tác không phải là cán bộ, công chức, viên chức quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này, tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo, không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp do cơ quan quản lý trực tiếp du học sinh thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

4. Việc bồi hoàn chi phí đào tạo đối với du học sinh không có cơ quan công tác quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này, tự ý bỏ học, không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp do cơ quan cử đi học thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

5. Việc bồi hoàn chi phí đào tạo đối với du học sinh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này được thực hiện theo quy định hợp tác giữa các cơ quan nhà nước của Việt Nam với phía nước ngoài đài thọ học bổng.

Điều 13. Thu hồi chi phí bồi hoàn

1. Chi phí bồi hoàn bao gồm toàn bộ chi phí đào tạo đã được ngân sách nhà nước chi trả cho du học sinh quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này và do cơ quan cử đi học cung cấp.

2. Việc thu hồi chi phí bồi hoàn đối với du học sinh quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cử đi học (đối với trường hợp không có cơ quan công tác) ra quyết định về việc thu hồi chi phí bồi hoàn và gửi quyết định này cho du học sinh thuộc diện bồi hoàn. Việc xem xét miễn, giảm chi phí bồi hoàn do cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cử đi học quyết định căn cứ trên hồ sơ của du học sinh và chịu trách nhiệm giải trình với cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu;

b) Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi chi phí bồi hoàn của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cử đi học, du học sinh có trách nhiệm nộp trả đầy đủ chi phí bồi hoàn;

c) Chi phí bồi hoàn được nộp cho cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cử đi học đã chi trả kinh phí cho du học sinh;

d) Trong trường hợp du học sinh phải bồi hoàn chi phí đào tạo không thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn thì cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cử đi học có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

3. Việc thu hồi chi phí bồi hoàn đối với du học sinh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này được thực hiện theo quy định hợp tác giữa các cơ quan nhà nước của Việt Nam với phía nước ngoài đài thọ học bổng.

Mục 2

DU HỌC SINH HỌC BỔNG KHÁC VÀ DU HỌC SINH TỰ TỨC

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của du học sinh học bổng khác và du học sinh tự túc

1. Quyền của du học sinh học bổng khác

a) Du học sinh học bổng khác có các quyền theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định này;

b) Được tiếp nhận các hỗ trợ liên quan đến việc học tập do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ (không phải bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước).

2. Trách nhiệm của du học sinh học bổng khác

a) Có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại các điểm a, b, c, h, i và k khoản 2 Điều 6 Nghị định này;

b) Thực hiện theo thỏa thuận hợp pháp với tổ chức, cá nhân tài trợ học bổng;

c) Thực hiện theo các quy định của cơ sở giáo dục Việt Nam, cơ sở giáo dục nước ngoài đối với trường hợp du học sinh ra nước ngoài học tập theo thỏa thuận hợp tác đào tạo được ký kết giữa cơ sở giáo dục Việt Nam với cơ sở giáo dục nước ngoài;

d) Thực hiện theo thỏa thuận với cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có), thực hiện báo cáo và chịu sự quản lý của cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác) trong quá trình học tập tại nước ngoài;

đ) Không ở lại nước ngoài trái phép sau khi kết thúc chương trình học tập.

3. Quyền của du học sinh tự túc

Du học sinh tự túc có các quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Trách nhiệm của du học sinh tự túc

a) Có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 2 Điều này;

b) kê khai trung thực hồ sơ, giấy tờ khi làm hồ sơ đi học ở nước ngoài;

c) Phải có hợp đồng tư vấn du học với tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trước khi ra nước ngoài học tập (đối với du học sinh tự túc ra nước ngoài học tập thông qua tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học);

d) Giữ mối liên hệ, cập nhật tình hình học tập đến tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học về việc chuyển ngành, nghề học, chuyển trường, chuyển nước đến học, tạm dừng học, lưu ban và học lại, gia hạn thời gian học tập ở nước ngoài (đối với du học sinh tự túc ra nước ngoài học tập thông qua tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học).

Điều 15. Quyền và trách nhiệm của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

1. Quyền của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

- a) Được ký kết hợp đồng đại diện tuyển sinh với các cơ sở giáo dục nước ngoài;
- b) Được công khai thông tin tổ chức tại trang thông tin điện tử của cơ quan cấp Giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ tư vấn du học;
- c) Được thực hiện các quyền của doanh nghiệp mà không vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;
- d) Được hưởng thù lao theo thỏa thuận tại hợp đồng tư vấn du học.

2. Trách nhiệm của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

- a) Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học theo quy định;
- b) Triển khai hoạt động tư vấn du học chậm nhất trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học;
- c) Tư vấn thông tin trung thực, chính xác về các điều kiện liên quan đến tình trạng kiểm định chất lượng của chương trình giáo dục và cơ sở giáo dục nước ngoài; học phí và sinh hoạt phí dự kiến và các loại phí liên quan; điều kiện sinh sống, chính sách làm thêm giờ theo quy định của nước tiếp nhận du học sinh; những khó khăn, rủi ro và bất trắc có thể gặp phải trong quá trình du học;

d) Ký hợp đồng tư vấn du học với người có nhu cầu đi du học hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp theo nguyên tắc thỏa thuận, tự nguyện và bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

- Nội dung hợp đồng tư vấn du học phải ghi rõ ngành, nghề học, tên trường, nước đến học, thời hạn học tập, văn bằng, chứng chỉ sau khi tốt nghiệp; các khoản chi phí, thù lao liên quan đến dịch vụ tư vấn du học mà người học, cha mẹ hoặc

người giám hộ phải nộp; quyền lợi, trách nhiệm và cam kết của mỗi bên; biện pháp xử lý rủi ro;

- Chỉ ký hợp đồng tư vấn du học; không ký hợp đồng vừa đi du học vừa đi làm việc.

đ) Không ủy quyền hoặc nhận ủy quyền của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học khác để triển khai kinh doanh dịch vụ tư vấn du học cho người có nhu cầu đi du học ở nước ngoài;

e) Thực hiện niêm yết công khai thông tin tại trụ sở và tại trang thông tin điện tử của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin và nội dung công khai dưới đây:

- Quyết định thành lập tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học được cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Danh sách nhân viên trực tiếp tư vấn du học gồm tên tuổi, văn bằng, chứng chỉ đáp ứng theo quy định của pháp luật, trong đó nhân viên phải qua đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học và được cấp chứng chỉ theo quy định tại Điều 16 Nghị định này;
- Thông tin liên quan đến ngành nghề, chương trình đào tạo, tình trạng kiểm định hoặc công nhận chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục nước ngoài đã ký thỏa thuận hợp tác hoặc đại diện tuyển sinh với tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học;

- Thông tin về các khoản học phí và sinh hoạt phí, các khoản phí dịch vụ;
- Báo cáo hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn du học đã gửi cơ quan quản lý hàng năm.

g) Giữ mối liên hệ, phối hợp với cơ sở giáo dục nước ngoài, theo dõi và hỗ trợ du học sinh trong suốt thời gian học tập ở nước ngoài; đôn đốc du học sinh cập nhật thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của du học sinh;

h) Lưu trữ hồ sơ gửi công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập trong suốt quá trình du học sinh học tập ở nước ngoài và tiếp tục giữ mối liên hệ với du học sinh sau khi tốt nghiệp, cung cấp thông tin đánh giá về hiệu quả của việc tư vấn công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập khi được cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu;

i) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

Điều 16. Đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học

1. Chứng chỉ nghiệp vụ tư vấn du học do cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học cấp cho người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học.

2. Cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học quy định tại khoản 1 Điều này là cơ sở giáo dục đại học hoặc trường cao đẳng có kinh nghiệm trong việc thực hiện gửi sinh viên ra nước ngoài học tập và đã có sinh viên hoàn thành chương trình học tập.

3. Chương trình đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

4. Cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương III

CÔNG DÂN VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ TRAO ĐỔI HỌC THUẬT

Điều 17. Tiêu chuẩn đối với công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

1. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt (do cơ quan quản lý trực tiếp xác nhận).
2. Không trong thời gian bị kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
3. Có trình độ, năng lực phù hợp với nội dung, chương trình tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại nước ngoài.
4. Đáp ứng các yêu cầu khác của chương trình tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại nước ngoài.
5. Được cơ quan quản lý trực tiếp đồng ý cử ra nước ngoài.

Điều 18. Cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

1. Cơ quan quản lý trực tiếp tạo điều kiện cho các cá nhân được tham gia các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại nước ngoài thông qua việc thúc đẩy hợp tác về giáo dục và nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục, các tổ chức khoa học công nghệ ở nước ngoài.

2. Công dân Việt Nam được phía nước ngoài tiếp nhận hoặc mời đi giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật cần trao đổi với phía nước ngoài để thống nhất cụ thể về nội dung bao gồm:

a) Đối với giảng dạy: Nội dung môn học hoặc chuyên đề, thời gian giảng dạy và trách nhiệm tài chính, bảo hiểm của các bên;

b) Đối với nghiên cứu khoa học: Nội dung nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, thời gian ở nước ngoài và trách nhiệm tài chính, bảo hiểm của các bên;

c) Đối với trao đổi học thuật: Chương trình trao đổi hoặc dự án trao đổi học thuật, cách thức trao đổi, thời gian ở nước ngoài và trách nhiệm tài chính, bảo hiểm của các bên.

3. Cơ quan quản lý trực tiếp ra quyết định cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật. Trong trường hợp cơ quan quản lý trực tiếp không đủ thẩm quyền ra quyết định thì phải báo cáo lên cơ

quan có thẩm quyền để ra quyết định cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

Điều 19. Quyền và trách nhiệm của công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

1. Quyền của công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

a) Được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước tiếp nhận, pháp luật và thông lệ quốc tế trong thời gian giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi học thuật ở nước ngoài;

b) Được chuyển về nước tiền lương, tiền công, thu nhập và tài sản khác của cá nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước tiếp nhận;

c) Trong trường hợp là người của cơ quan, tổ chức có hưởng ngân sách nhà nước thì được hưởng tiền lương, tiền công, thu nhập khác, chế độ khám bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác trên cơ sở thống nhất với cơ quan quản lý trực tiếp và được cơ quan cử đi tiếp nhận quay trở lại công tác sau khi hoàn thành công việc ở nước ngoài.

2. Trách nhiệm của công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

a) Chấp hành quyết định cử đi giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật ở nước ngoài;

b) Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Việt Nam và nước sở tại; thực hiện đăng ký công dân Việt Nam ở nước ngoài theo quy định hiện hành;

c) Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thuế thu nhập cá nhân (nếu có) và các khoản chi phí bắt buộc khác theo quy định hiện hành của Nhà nước; trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về thuế thu nhập cá nhân khác quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về thuế thu nhập cá nhân thì thực hiện theo Điều ước quốc tế;

d) Bảo vệ các tài liệu, thông tin có bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, thông tin bảo vệ chính trị nội bộ;

đ) Không lợi dụng công việc giảng dạy, các hoạt động chuyên môn hay bất kỳ hình thức nào khác để thực hiện các hoạt động tuyên truyền chống phá nhà nước Việt Nam, làm ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và nước đối tác;

e) Không vi phạm quy định về hoạt động khoa học công nghệ của Việt Nam và nước sở tại; các quy định pháp luật hiện hành về nghĩa vụ, trách nhiệm của nhà giáo làm ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của Việt Nam tại nước đối tác;

g) Làm việc đúng nơi quy định; thực hiện nghiêm túc nội quy nơi làm việc; về nước sau khi kết thúc chương trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật theo quy định của nước đối tác;

h) Không được lợi dụng việc đi giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại nước ngoài để thực hiện mục đích đi lao động hoặc ở lại nước ngoài trái phép trừ trường hợp phải kéo dài thời gian ở lại nước ngoài do ốm đau, chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh;

i) Thực hiện đúng thỏa thuận, cam kết đã ký với cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền cử cá nhân đi giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại nước ngoài (nếu có);

k) Thực hiện theo các quy định hiện hành đối với cán bộ, công chức, viên chức và các quy định của Đảng (đối với trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức và là đảng viên);

l) Gửi báo cáo về cơ quan quản lý trực tiếp 03 tháng một lần (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Trong vòng 20 ngày làm việc từ khi kết thúc quá trình giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi học thuật tại nước ngoài, cá nhân phải về nước và báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật (nếu có) và cập nhật vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 20. Quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý trực tiếp cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

1. Quyền của cơ quan quản lý trực tiếp cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

a) Thực hiện các quyền về hợp tác với nước ngoài theo quy định tại Điều 44 Luật Giáo dục đại học năm 2012, Điều 47 Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 và Điều 71 Luật Khoa học công nghệ năm 2013;

b) Tổ chức tạo nguồn, tuyển chọn, đào tạo và cử người đi giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại nước ngoài;

c) Yêu cầu người được cử đi giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại nước ngoài thực hiện các quy định của cơ quan hoặc các thỏa thuận giữa hai bên trước khi đi nước ngoài (nếu có);

d) Yêu cầu người được cử đi giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại nước ngoài báo cáo kết quả làm việc trong quá trình ở nước ngoài.

2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý trực tiếp cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

a) Lựa chọn đúng người đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ và các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp để cử đi giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại nước ngoài;

b) Theo dõi quá trình làm việc của người được cử đi giảng dạy, người được cử đi nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật ở nước ngoài và tiếp nhận trở lại làm việc sau khi kết thúc chương trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật ở nước ngoài;

c) Thực hiện báo cáo về việc cử người đi giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại nước ngoài đối với cơ quan có thẩm quyền cử đi (nếu có) và theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đối với công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật thuộc cấp học, trình độ đào tạo trong giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm và bồi dưỡng về ngoại ngữ.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành thực hiện chế độ báo cáo về việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật thuộc cấp học, trình độ đào tạo trong giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm và bồi dưỡng về ngoại ngữ.

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động đưa công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật thuộc cấp học, trình độ đào tạo trong giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm và bồi dưỡng về ngoại ngữ; hoạt động đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chương trình đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đối với công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật thuộc các trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp (trừ cao đẳng sư phạm).

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành thực hiện chế độ báo cáo về việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật thuộc các trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp (trừ cao đẳng sư phạm).

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động đưa công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật thuộc các trình độ đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp (trừ cao đẳng sư phạm).

4. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học.

5. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

Chủ trì thực hiện bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật ở nước ngoài.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ tài chính hỗ trợ công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước sau khi thống nhất với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chỉ đạo lực lượng công an các cấp nắm tình hình, làm việc với các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến lĩnh vực đưa công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật nhằm phòng ngừa, phát hiện kịp thời xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nắm tình hình, phòng ngừa, phát hiện và xử lý công dân Việt Nam có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và nước sở tại trong quá trình học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật ở nước ngoài.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tổ chức quản lý, cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật theo thẩm quyền.

2. Quản lý, chỉ đạo hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trên địa bàn theo thẩm quyền.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; kịp thời chấn chỉnh, xử lý khi có vi phạm.

4. Công khai danh sách, hiện trạng các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học tại địa bàn trên cổng thông tin điện tử của địa phương.

5. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình kinh doanh dịch vụ tư vấn du học của địa phương theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

Điều 27. Trách nhiệm của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

1. Bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân tham gia học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật ở nước ngoài và giải quyết kịp thời những vấn đề về quyền và trách nhiệm của công dân theo quy định.

2. Giúp đỡ, động viên công dân học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật ở nước ngoài, rèn luyện đạo đức, phẩm chất chính trị, giữ gìn và góp phần phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam với các nước; phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra các công dân này thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định tại Nghị định này; giáo dục chính trị, tư tưởng, bảo đảm các hoạt động đoàn thể của du học sinh theo sự hướng dẫn của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của Việt Nam.

3. Phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác giáo dục với các cơ sở đào tạo và chính quyền nước sở tại; tìm kiếm và khai thác các nguồn học bổng cho Việt Nam; nghiên cứu chính sách, hệ thống giáo dục của nước sở tại để tham mưu cho Chính phủ và các cơ quan liên quan trong việc phát triển giáo dục Việt Nam cũng như việc gửi công dân đi học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật ở những ngành nghề, lĩnh vực và trình độ phù hợp nước sở tại và đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam và thúc đẩy hợp tác giữa hai nước.

4. Thông tin kịp thời về các trường hợp, tổ chức và cá nhân có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật Việt Nam trong việc đưa công dân Việt Nam đi học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật ở nước ngoài với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam để có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo về việc tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập

a) Nội dung yêu cầu báo cáo: Tình hình chung về công tác tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập; những khó khăn, vướng mắc; kiến nghị, đề xuất (nếu có);

b) Đối tượng thực hiện, cơ quan nhận báo cáo và quy trình báo cáo: Cơ quan thực hiện tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều này);

c) Kỳ báo cáo: Báo cáo định kỳ hằng năm;

d) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Cơ quan thực hiện tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập gửi báo cáo qua bưu điện hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

đ) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của năm báo cáo;

e) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

h) Biểu số liệu báo cáo: Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Báo cáo hoạt động tư vấn du học

a) Nội dung yêu cầu báo cáo: Thông tin chung về tổ chức tư vấn du học; tình hình hoạt động tư vấn du học và số lượng công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập trong năm; khó khăn, vướng mắc; kiến nghị, đề xuất;

b) Đối tượng thực hiện, cơ quan nhận báo cáo và quy trình báo cáo: Các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học gửi báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đã đăng ký đặt trụ sở;

c) Kỳ báo cáo: Báo cáo định kỳ hằng năm;

d) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học gửi báo cáo qua bưu điện hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đã đăng ký đặt trụ sở;

đ) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của năm báo cáo;

e) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 05 tháng 12 hằng năm;

g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

h) Biểu số liệu báo cáo: Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Báo cáo về việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

a) Nội dung yêu cầu báo cáo: Tình hình công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong năm; khó khăn, vướng mắc; kiến nghị, đề xuất;

b) Đối tượng thực hiện, cơ quan nhận báo cáo và quy trình báo cáo:

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ quan cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi báo cáo Chính phủ.

c) Kỳ báo cáo: Báo cáo định kỳ hằng năm;

d) Phương thức gửi, nhận báo cáo:

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ quan cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học gửi báo cáo qua bưu điện hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo phạm vi quản lý gửi báo cáo Chính phủ qua Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ hoặc gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện.

đ) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của năm báo cáo;

e) Thời hạn gửi báo cáo:

- Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ quan cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Trước ngày 25 tháng 12 hằng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo phạm vi quản lý gửi báo cáo Chính phủ.

g) Mẫu đề cương báo cáo:

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- Cơ quan cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật gửi báo cáo theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- Cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học gửi báo cáo theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi báo cáo theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

h) Biểu số liệu báo cáo:

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp số liệu theo Mẫu số 08, Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- Cơ quan cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tổng hợp số liệu theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp số liệu theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2021.

Bãi bỏ Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập.

2. Chứng chỉ nghiệp vụ tư vấn du học được cấp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực được phép tiếp tục sử dụng để hành nghề tư vấn du học.

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vũ Đức Đam

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 86/2021/NĐ-CP
ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Báo cáo tiến độ học tập
Mẫu số 02	Đơn đề nghị chuyển ngành, nghề học, chuyển trường, chuyển nước đến học
Mẫu số 03	Đơn đề nghị tạm dừng học
Mẫu số 04	Đơn đề nghị gia hạn thời gian học tập ở nước ngoài
Mẫu số 05	Báo cáo tốt nghiệp
Mẫu số 06	Báo cáo tiến độ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật
Mẫu số 07	Báo cáo về việc tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập
Mẫu số 08	Thống kê số lượng công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập
Mẫu số 09	Danh sách tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
Mẫu số 10	Báo cáo công tác quản lý việc tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập thông qua các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học và thông qua ngân sách địa phương (dùng cho các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)
Mẫu số 11	Báo cáo hoạt động tư vấn du học (dùng cho tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học)
Mẫu số 12	Báo cáo về việc cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật
Mẫu số 13	Thống kê số lượng công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

Mẫu số 14	Báo cáo việc đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học (dùng cho cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học)
Mẫu số 15	Báo cáo tình hình công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật
Mẫu số 16	Thống kê số lượng công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ HỌC TẬP

(Từ ngày... tháng... năm..... đến ngày... tháng... năm.....)

Kính gửi:.....¹

1. Họ và tên:
2. Số định danh cá nhân:
3. Quyết định cử đi học (số, ngày cấp):....., Trình độ đào tạo:.....
4. Cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có):.....
5. Diện học bổng (Hiệp định/NSNN/Khác, ghi cụ thể):.....
6. Ngành/nghề học ở nước ngoài (ghi tiếng Việt và tiếng Anh):
7. Tên và địa chỉ trường học ở nước ngoài (ghi tiếng Việt và tiếng Anh):
8. Ngày đến trường nhập học:.....
9. Ngày bắt đầu khóa học (theo thông báo của trường):.....
10. Thời gian đào tạo (theo thông báo của trường):
11. Đang học học kỳ mấy, thời gian còn lại:
12. Địa chỉ nơi ở nước ngoài:
13. E-mail ở nước ngoài:.....
14. Điện thoại liên hệ ở nước ngoài:.....
15. Kết quả học tập²:

(Viết theo xếp loại, nếu có; hoặc số môn đạt điểm A, điểm B, điểm C... hoặc theo cách cho điểm của trường đến học; đối với nghiên cứu sinh, thực tập sinh ghi xếp loại kết quả):

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan cử đi học.

² Đối với du học sinh học bổng: Ghi thông tin đầy đủ để làm căn cứ tiếp tục hoặc tạm dừng cấp sinh hoạt phí.

16. Họ tên người hướng dẫn (supervisor) hoặc người tư vấn (adviser):

Địa chỉ e-mail của người hướng dẫn/tư vấn:

17. Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

18. Đề nghị cấp học phí, sinh hoạt phí (đối với du học sinh học bổng):

Đề nghị chuyển học phí (theo giấy báo của trường) du học sinh cập nhật thông tin tài khoản của trường theo chi tiết sau:

- Tên ngân hàng - Địa chỉ ngân hàng - Mã số ngân hàng (như Swift, Code, hoặc ABA/Routing) - Thông tin ngân hàng trung gian (nếu có)	- Tên người hưởng (tên chủ tài khoản của cơ sở giáo dục) - Địa chỉ người hưởng	- Số tài khoản - Số Iban (nếu có)
--	---	--------------------------------------

Đã nhận sinh hoạt phí đến hết tháng..... năm.....

Học kỳ cuối cùng xin được chuyển sinh hoạt phí đến tháng..... năm....., Tổng số..... tháng.

Cập nhật số tài khoản cá nhân đã đăng ký: ³

- Tên ngân hàng - Địa chỉ ngân hàng - Mã số ngân hàng (như Swift, Code hoặc ABA/Routing) - Thông tin ngân hàng trung gian (nếu có)	- Tên người hưởng (tên chủ tài khoản cá nhân) - Địa chỉ người hưởng	- Số tài khoản - Số Iban (nếu có)
---	--	--------------------------------------

Xác nhận của cơ sở giáo dục ⁴

... .., ngày... tháng... năm... ..

Người báo cáo

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

³ Ghi tên người hưởng theo tên tài khoản mở tại ngân hàng và địa chỉ ngân hàng. Du học sinh chịu mọi chi phí liên quan trong trường hợp cung cấp thông tin chuyển tiền không chính xác.

⁴ Đề nghị được xác nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài du học sinh có thể viết báo cáo bằng tiếng Anh (báo cáo dài hơn 01 trang thì cần có chữ ký/dấu giáp lai xác nhận trên tất cả các trang của báo cáo). Nếu không có xác nhận của cơ sở giáo dục trên báo cáo thì phải gửi kèm theo kết quả học tập có xác nhận của cơ sở giáo dục.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NGÀNH/NGHỀ HỌC/TRƯỜNG/
NƯỚC ĐẾN HỌC**

Kính gửi:.....¹

Tôi tên là:

Cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có):

Được cử đi học ở nước ngoài theo Quyết định số..... ngày..... tháng.....
năm..... của.....

Cơ sở giáo dục đã tiếp nhận/đang học:

Trình độ đào tạo:

Ngành/ngề đào tạo:

Tổng thời gian đào tạo theo Quyết định cử đi học/Văn bản tiếp nhận đào tạo:
.....

Ngày nhập học:

Văn bản của cơ sở giáo dục đồng ý tiếp nhận chuyển ngành/ngề học/trường/
nước đến học số..... ngày..... tháng..... năm của

Lý do đề nghị chuyển ngành/ngề học/trường/nước đến học:

Tôi cam kết tự túc mọi chi phí phát sinh từ việc xin chuyển ngành/ngề học/trường/nước đến học vượt mức đã quy định đối với việc đi học theo Quyết định cử đi học tại cơ sở giáo dục ban đầu.

Trân trọng đề nghị Quý cơ quan xem xét, cho tôi được chuyển ngành/ngề học/trường/nước đến học.

Địa chỉ liên lạc của tôi:.....

E-mail:.....

Điện thoại cố định:..... Điện thoại di động:.....

....., ngày... tháng... năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan cử đi học.

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẠM DỪNG HỌC

Kính gửi:.....¹

Tôi tên là:

Cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có):

Được cử đi học ở nước ngoài theo Quyết định số.... ngày.... tháng.... năm.... của.....

Cơ sở giáo dục nước ngoài đang học:

Trình độ đào tạo:

Ngành/nghề đào tạo:

Văn bản của cơ sở giáo dục nước ngoài đồng ý tạm dừng học số..... ngày.... tháng.... năm....

Lý do đề nghị tạm dừng học:

Thời gian đề nghị tạm dừng học: từ tháng...../năm 20..... đến tháng...../năm 20....

Tôi cam kết tự túc mọi chi phí phát sinh trong quá trình tạm dừng học.

Trân trọng đề nghị Quý cơ quan xem xét, cho tôi được tạm dừng học.

Địa chỉ liên lạc của tôi:.....

E-mail:

Điện thoại nhà: Điện thoại di động:.....

....., ngày... tháng... năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan cử đi học.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN HỌC TẬP Ở NƯỚC NGOÀI

Kính gửi:.....¹

Tôi tên là:

Cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có):

Quyết định cử đi học số..... ngày..... tháng..... năm.... của

Tên trường đến học, nước:

Trình độ đào tạo:

Ngành/ngành đào tạo:

Tổng thời gian đào tạo theo Quyết định cử đi học/Văn bản tiếp nhận đào tạo:

Ngày nhập học:

Lý do đề nghị gia hạn:.....

Thời gian đề nghị gia hạn: từ tháng...../năm 20.... đến tháng...../năm 20.....

Kinh phí trong thời gian gia hạn²

Trân trọng đề nghị Quý cơ quan xem xét, cho tôi được gia hạn thời gian học tập.

Địa chỉ liên lạc của tôi:.....

E-mail:

Điện thoại nhà: Điện thoại di động:.....

....., ngày ... tháng ... năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan cử đi học.

² Ghi rõ kinh phí do du học sinh tự thu xếp hoặc cơ sở giáo dục nước ngoài đài thọ.

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

Kính gửi:.....¹

1. Họ và tên:

2. Số định danh cá nhân:

3. Cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có):

4. Quyết định cử đi học số..... ngày.... tháng.... năm.... của.....

5. Thời gian học tập ở nước ngoài:

6. Thời gian gia hạn học tập ở nước ngoài: từ tháng.../20... đến tháng.../20...

7. Ngày tốt nghiệp:..... Ngày về nước:.....

8. Kết quả học tập²:

- Văn bằng, chứng chỉ được cấp:

- Kết quả xếp loại học tập:

9. Tên cơ sở giáo dục nước ngoài (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh):.....

10. Tên đề tài luận văn thạc sĩ (nếu học thạc sĩ coursework không có luận văn thì ghi: *không có luận văn*), đề tài luận án tiến sĩ, chuyên đề thực tập:.....

11. Tên và học hàm, học vị của người hướng dẫn:.....

12. Đánh giá của cơ sở giáo dục hoặc giáo sư hướng dẫn (nếu có, viết tóm tắt):

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan cử đi học.

² Ghi rõ văn bằng được cấp (thông tin này bắt buộc phải có), nếu chưa có bằng tốt nghiệp thì phải trình bày rõ lý do; ghi rõ kết quả xếp loại học tập (nếu có); hoặc số môn đạt điểm A, điểm B, C,... hoặc theo cách cho điểm của cơ sở giáo dục.

13. Nguyên vọng, đề nghị³:

.....
.....

14. Cơ quan công tác sau khi tốt nghiệp về Việt Nam:

.....
Địa chỉ:

15. Địa chỉ liên hệ⁴:

Điện thoại cố định:, Điện thoại di động:

E-mail:

16. Kiến nghị, đề xuất đối với cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan cử đi học: ...

.....
.....

Tôi cam đoan nội dung báo cáo là hoàn toàn trung thực, chính xác và xin chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo.

... .., ngày... .. tháng... .. năm.....

Người báo cáo

(Ký và ghi rõ họ tên)

³ Ghi rõ: Trò lại cơ quan cũ hoặc bố trí nơi làm việc hoặc công việc mới phù hợp hơn với kết quả đã được đào tạo; đồng thời nêu rõ vấn đề hoặc công trình kiến nghị được ứng dụng, khả năng ứng dụng, yêu cầu được học tập bồi dưỡng thêm, yêu cầu về điều kiện làm việc trong nước,...

⁴ Thông tin bắt buộc phải cung cấp.

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
VÀ TRAO ĐỔI HỌC THUẬT

(Từ ngày... tháng... năm..... đến ngày... tháng... năm.....)

Kính gửi:¹

1. Họ và tên: Nam/nữ:.....
2. Số định danh cá nhân:
3. Quyết định cử ra nước ngoài giảng dạy/nghiên cứu khoa học số/ngày cấp:
4. Cơ quan quản lý trực tiếp:.....
.....
5. Lĩnh vực giảng dạy/nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật (ghi tiếng Việt và tiếng Anh):
.....
.....
6. Tên và địa chỉ cơ sở giáo dục/tổ chức khoa học công nghệ ở nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật (ghi tiếng Việt và tiếng Anh):.....
.....
7. Địa chỉ nơi ở nước ngoài:.....
8. E-mail ở nước ngoài:.....
9. Điện thoại liên hệ ở nước ngoài:
10. Báo cáo tình hình giảng dạy/kết quả nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại nước ngoài:.....
.....
11. Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....
.....

... .., ngày... tháng... năm... ..

Người báo cáo

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan quản lý trực tiếp.

Mẫu số 07

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC²CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /BC-.....³

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO**Về việc tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập**

Căn cứ Nghị định số /202.../NĐ-CP ngày tháng năm 202... của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật,.....⁴ báo cáo về việc tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập năm..... như sau:

1. Tình hình chung về công tác tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập⁵:

.....

.....

2. Khó khăn, vướng mắc:

.....

.....

.....

3. Kiến nghị, đề xuất:

.....

.....

.....

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ;

- ;

- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/TỔ CHỨC*(Chữ ký, dấu, ghi rõ họ tên)***Ghi chú:**¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).² Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.³ Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản.⁴ Tên cơ quan/tổ chức báo cáo.⁵ Kèm theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Mẫu số 08

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC² Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG CÔNG DÂN VIỆT NAM
 RA NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP NĂM.....**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-... .. ngày..... tháng..... năm... ..)

STT	Quốc gia đến học	Số lượng người học theo các trình độ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
		Ngoại ngữ	Phổ thông	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Dự bị đại học	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Thực tập	Tổng cộng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
I	Châu Âu												1	Anh												2	Pháp												3	Ý												4	LB Nga												5												II	Châu Á												1	Hàn Quốc												2	Nhật Bản												3	Trung Quốc												4												III	Châu Mỹ												1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng											
1	Anh												2	Pháp												3	Ý												4	LB Nga												5												II	Châu Á												1	Hàn Quốc												2	Nhật Bản												3	Trung Quốc												4												III	Châu Mỹ												1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																								
2	Pháp												3	Ý												4	LB Nga												5												II	Châu Á												1	Hàn Quốc												2	Nhật Bản												3	Trung Quốc												4												III	Châu Mỹ												1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																					
3	Ý												4	LB Nga												5												II	Châu Á												1	Hàn Quốc												2	Nhật Bản												3	Trung Quốc												4												III	Châu Mỹ												1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																		
4	LB Nga												5												II	Châu Á												1	Hàn Quốc												2	Nhật Bản												3	Trung Quốc												4												III	Châu Mỹ												1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																															
5												II	Châu Á												1	Hàn Quốc												2	Nhật Bản												3	Trung Quốc												4												III	Châu Mỹ												1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																												
II	Châu Á												1	Hàn Quốc												2	Nhật Bản												3	Trung Quốc												4												III	Châu Mỹ												1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																									
1	Hàn Quốc												2	Nhật Bản												3	Trung Quốc												4												III	Châu Mỹ												1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																						
2	Nhật Bản												3	Trung Quốc												4												III	Châu Mỹ												1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																			
3	Trung Quốc												4												III	Châu Mỹ												1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																
4												III	Châu Mỹ												1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																													
III	Châu Mỹ												1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																																										
1	Ca-na-đa												2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																																																							
2	Hoa Kỳ												3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																																																																				
3	Cu-ba												4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																																																																																	
4												IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																																																																																														
IV	Châu Úc												1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																																																																																																											
1	Ô-xtrây-li-a												2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																																																																																																																								
2	Niu-Di-lân												3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																																																																																																																																					
3	...												V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																																																																																																																																																		
V	Châu Phi												1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																																																																																																																																																															
1	Ma-rốc												2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																																																																																																																																																																												
2	Nam Phi												3													Tổng cộng																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
3													Tổng cộng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
	Tổng cộng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

² Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.

Mẫu số 09

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH DOANH DỊCH VỤ
TƯ VẤN DU HỌC NĂM.....**
(Kèm theo Báo cáo số /BC-... .. ngày... tháng... năm... ..)

STT	Tên giao dịch của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (bằng tiếng Việt)	Tên giao dịch quốc tế của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (bằng tiếng Anh)	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp	Phạm vi tư vấn du học		Tổng số công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập	Địa chỉ	Điện thoại liên hệ	Web/Email	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
					Giáo dục phổ thông, cao đẳng, đại học, bồi dưỡng ngoại ngữ	Sơ cấp, trung cấp, cao đẳng						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Công ty A											
2	Công ty B											
...												

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Chữ ký, dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Lập biểu trên Microsoft Excel, phông chữ Times new roman, cỡ chữ 12, trên cùng 1 file gồm các biểu khác nhau;

- Cột số 1: Tên tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (TVDH) được viết trong Giấy chứng nhận (GCN) đăng ký kinh doanh dịch vụ TVDH;

- Cột số 2: Tên tiếng Anh của tổ chức kinh doanh dịch vụ TVDH;

- Cột số 3: Số GCN đăng ký kinh doanh dịch vụ TVDH do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Cột số 4: Ngày cấp GCN đăng ký kinh doanh dịch vụ TVDH;

- Cột số 5, cột số 6: Phạm vi tư vấn du học được cấp trong GCN đăng ký kinh doanh dịch vụ TVDH;

- Cột số 7: Tổng số công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập trong năm;

- Cột số 8: Địa chỉ trụ sở ghi trong GCN đăng ký kinh doanh dịch vụ TVDH;

- Cột số 9: Số điện thoại liên hệ của tổ chức kinh doanh dịch vụ TVDH;

- Cột số 10: Website hoặc Email liên hệ của tổ chức kinh doanh dịch vụ TVDH;

- Cột số 11: Ghi rõ tình trạng hoạt động: đang hoạt động, đình chỉ hoặc thu hồi GCN đăng ký kinh doanh dịch vụ TVDH.

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ...CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Công tác quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập năm...**

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Căn cứ Nghị định số: /202.../NĐ-CP ngày tháng năm 202... của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... báo cáo về công tác quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập của địa phương thông qua các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học và thông qua nguồn ngân sách của địa phương như sau:

I. Công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập theo diện tự túc thông qua các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

1. Tổng hợp tình hình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

Tổng số tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học:

- Số lượng cấp mới trong năm:
- Số lượng đang hoạt động:
- Số lượng bị đình chỉ:
- Số lượng ngừng hoạt động (bao gồm cả thu hồi Giấy chứng nhận):

Lý do ngừng hoạt động:

2. Tình hình hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học và thống kê danh sách công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập

2.1. Tổng hợp danh sách tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học năm.....
(theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

2.2. Thống kê số lượng công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập năm.....
(theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

- Số lượng du học sinh đã tốt nghiệp trong năm (*Tổng số đã tốt nghiệp, số đã về nước, số chưa về nước*).

3. Công tác quản lý đối với các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

3.1. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn.

3.2. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (*số lượng cuộc thanh tra, kiểm tra; những ưu điểm và các vấn đề chủ yếu phát hiện qua thanh, kiểm tra; biện pháp xử lý đã thực hiện*).

II. Tình hình thực hiện tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập theo nguồn ngân sách nhà nước của địa phương (nếu có)

.....
.....
.....

Thống kê số lượng du học sinh ra nước ngoài học tập theo nguồn ngân sách của địa phương hoặc các nguồn học bổng khác (nếu có) theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này.

III. Khó khăn, vướng mắc

.....
.....
.....

IV. Kiến nghị, đề xuất

.....
.....
.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GDĐT tỉnh/thành phố....;
- Sở LĐTBXH tỉnh/thành phố....;
-
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Chữ ký, dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 11*(Dùng cho Tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học)***TÊN TỔ CHỨC KINH DOANH
DỊCH VỤ TƯ VẤN DU HỌC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-...

....., ngày..... tháng..... năm

BÁO CÁO**Hoạt động tư vấn du học năm.....****1. Thông tin chung về tổ chức tư vấn du học:**

- Tên tổ chức tư vấn du học:.....
- Địa chỉ:..... số điện thoại:..... Website/email:.....
- Giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (số, ngày cấp);
- Phạm vi tư vấn du học tại Giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ tư vấn du học:
- Danh sách nhân viên trực tiếp tư vấn du học (Họ tên, năm sinh, văn bằng, chứng chỉ, địa bàn phụ trách tư vấn).
- Năm bắt đầu hoạt động tư vấn du học và tổng số du học sinh đã tư vấn đi du học ở nước ngoài đến thời điểm báo cáo;
- Địa bàn hoạt động chủ yếu (Quốc gia/vùng lãnh thổ nước ngoài có nhiều du học sinh Việt Nam do tổ chức tư vấn đi học).

2. Tình hình hoạt động tư vấn du học và số lượng công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập năm... (năm báo cáo).

2.1 Các thỏa thuận hợp tác/đại diện tuyển sinh: ghi cụ thể tên, địa chỉ, quốc gia của từng cơ sở đào tạo có thỏa thuận hợp tác/đại diện tuyển sinh.

2.2. Kết quả tư vấn du học

- Bảng tổng hợp danh sách chi tiết công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập trong năm...

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Cơ quan quản lý trực tiếp/ Địa chỉ thường trú	Quốc gia đến học	Cơ sở giáo dục đến học	Trình độ đào tạo	Ngành học	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Tình trạng	Nguồn kinh phí	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Nguyễn Văn A												
2	Nguyễn Thị B												
...													
	Tổng												

- Thống kê số lượng công dân Việt Nam đã đi học ở nước ngoài trong năm...
(theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

- Số lượng du học sinh đã tốt nghiệp trong năm... (số đã tốt nghiệp; số đã về nước, số chưa về nước).

2.3. Các hoạt động khác:

- Hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm về du học đã tổ chức trong năm (ghi tên, thời gian, địa điểm tổ chức, số người tham gia).

- Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng cần thiết, đào tạo ngoại ngữ cho công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập (giấy phép đào tạo ngoại ngữ; số lớp, số học viên đã tham gia trong năm).

3. Khó khăn, vướng mắc:

.....
.....
.....

4. Kiến nghị, đề xuất:

.....
.....
.....

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT tỉnh/thành phố...;
- Sở LĐTBXH tỉnh/thành phố...;
- Lưu: VT, ...

GIÁM ĐỐC

(Chữ ký, dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 12

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....³

....., ngày.. tháng... năm.....

BÁO CÁO

**Về việc cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy,
nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật**

Căn cứ Nghị định số /202.../NĐ-CP ngày tháng năm 202... của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật,.....⁴ báo cáo về việc cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật năm.... như sau:

1. Tình hình chung về công tác cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật⁵:

.....

2. Những khó khăn, vướng mắc:

.....

3. Kiến nghị, đề xuất:

.....

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ;

- ;

- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Chữ ký, dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

² Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản

³ Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản.

⁴ Tên cơ quan/tổ chức báo cáo.

⁵ Kèm theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Mẫu số 13

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC² Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÔNG DÂN VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI
 GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ TRAO ĐỔI HỌC THUẬT
 NĂM.....**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-.... ngày..... tháng..... năm.....)

STT	Quốc gia đến giảng dạy/nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật	Đối tượng tham gia giảng dạy/ nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật	Số lượng người tham gia giảng dạy	Số lượng người tham gia nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật	Tổng cộng	Ghi chú
1	Anh					
2	Pháp					
3	Hoa Kỳ					
4	Nhật Bản					
5	Hàn Quốc					
...	...					
	Tổng cộng					

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

² Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.

Mẫu số 14

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TƯ VẤN DU HỌC²

Số: /BC-...³

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO**Về việc thực hiện đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học năm...**

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Căn cứ Nghị định số /202.../NĐ-CP ngày tháng năm 202... của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật,⁴ báo cáo về việc thực hiện đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học như sau:

I. Khái quát chung

(Cung cấp thông tin giới thiệu chung về Cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học; minh chứng về việc có kinh nghiệm trong thực hiện gửi sinh viên ra nước ngoài học tập và đã có sinh viên hoàn thành chương trình học tập).

II. Kết quả đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học

1. Kết quả đào tạo *(gửi kèm các Quyết định phê duyệt danh sách học viên trúng tuyển và Quyết định phê duyệt danh sách học viên hoàn thành khóa học đủ điều kiện được cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn du học)*

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

² Tên cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học.

³ Chữ viết tắt tên cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học.

⁴ Tên cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học.

STT	Tên lớp/khóa	Địa điểm	Thời gian học	Số lượng học viên	Số lượng học viên được cấp chứng chỉ	Ghi chú
1						
2						
3						
Tổng cộng						

2. Thống kê đội ngũ giảng viên: danh sách và trích ngang lý lịch của người tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Cơ quan công tác	Môn học/module tham gia giảng dạy	Ghi chú
1						
2						
3						

3. Chương trình, tài liệu giảng dạy (gửi kèm báo cáo)

III. Khó khăn, vướng mắc

.....

IV. Kiến nghị, đề xuất

.....

Nơi nhận:

-
- Lưu:.....

GIÁM ĐỐC/HIỆU TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 15

TÊN CƠ QUAN¹CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /...²V/v báo cáo tình hình công dân
Việt Nam ra nước ngoài học tập,
giảng dạy, nghiên cứu khoa học
và trao đổi học thuật

Hà Nội, ngày... tháng... năm.....

Kính gửi:.....³

Căn cứ Nghị định số /202... /NĐ-CP ngày tháng năm 202... của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật,...⁴ xin báo cáo về tình hình công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật năm.... như sau:

1. Tình hình công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật⁵:

1.1. Du học sinh học bổng ngân sách nhà nước

.....

1.2. Du học sinh học bổng khác và du học sinh tự túc

.....

1.3. Quản lý tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

.....

1.4. Công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

Ghi chú:¹ Tên cơ quan báo cáo.² Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành văn bản.³ Tên cơ quan nhận báo cáo.⁴ Tên cơ quan báo cáo.⁵ Kèm theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

.....

.....

2. Khó khăn, vướng mắc

.....

.....

3. Kiến nghị, đề xuất

.....

.....

Trân trọng.

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(*Chữ ký, dấu, ghi rõ họ tên*)

Mẫu số 16

TÊN CƠ QUAN¹CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày... tháng... năm.....

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÔNG DÂN VIỆT NAM
RA NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP, GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC VÀ TRAO ĐỔI HỌC THUẬT NĂM.....**

(Kèm theo Công văn số: /...² ngày.... tháng..... năm....)

Bảng 1: Tổng hợp số lượng du học sinh học bổng ngân sách nhà nước học tập tại nước ngoài năm.....

STT	Quốc gia đến học	Số lượng người học theo các trình độ										
		Ngoại ngữ	Phổ thông	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Thực tập	Tổng cộng	
I	Châu Âu											
1	Anh											
2	Pháp											
3	Ý											
4	Liên bang Nga											
5											
II	Châu Á											
1	Hàn Quốc											
2	Nhật Bản											
3	Trung Quốc											
4											

Ghi chú:¹ Tên cơ quan báo cáo.² Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành văn bản.

STT	Quốc gia đến học	Số lượng người học theo các trình độ									
		Ngoại ngữ	Phổ thông	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Thực tập	Tổng cộng
III	Châu Mỹ										
1	Ca-na-đa										
2	Hoa Kỳ										
3	Cu-ba										
4										
IV	Châu Úc										
1	Ô-xơ-rây-li-a										
2	Niu-Di-lân										
3	...										
V	Châu Phi										
1	Ma-rốc										
2	Nam Phi										
3										
	Tổng cộng										

Bảng 2: Tổng hợp số lượng du học sinh học bổng khác
và du học sinh tự túc học tập tại nước ngoài năm...
(Tổng hợp từ báo cáo của các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học)

STT	Quốc gia đến học	Số lượng người học theo các trình độ											
		Ngoại ngữ	Phổ thông	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Dự bị đại học	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Thực tập	Tổng cộng	
I	Châu Âu												
1	Anh												
2	Pháp												
3	Ý												
4	Liên bang Nga												
5												
II	Châu Á												
1	Hàn Quốc												
2	Nhật Bản												
3	Trung Quốc												
4												
III	Châu Mỹ												
1	Ca-na-đa												
2	Hoa Kỳ												
3	Cu-ba												
4												
IV	Châu Úc												
1	Ô-xtrô- rây-li-a												
2	Niu-Di-lân												
3	...												

STT	Quốc gia đến học	Số lượng người học theo các trình độ											
		Ngoại ngữ	Phổ thông	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Dự bị đại học	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Thực tập	Tổng cộng	
V	Châu Phi												
1	Ma-rốc												
2	Nam Phi												
3												
	Tổng cộng												

Bảng 3: Thống kê số lượng công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật năm...

STT	Quốc gia đến giảng dạy/ nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật	Đối tượng tham gia giảng dạy/ nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật	Số lượng người tham gia giảng dạy	Số lượng người tham gia nghiên cứu/trao đổi học thuật	Tổng cộng	Ghi chú
1	Anh					
2	Pháp					
3	Hoa Kỳ					
4	Nhật Bản					
5	Hàn Quốc					
...	...					
	Tổng cộng					